TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Tuấn Duy**
Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Thị Loan**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Giang** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trúc P, sinh năm 1989, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là, ấp B, xã L, tỉnh Cà Mau)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Út T, sinh năm 1993, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp I, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp I, xã P, tỉnh Cà Mau)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Trúc P trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Trúc P và ông Nguyễn Út T kết hôn vào năm 2013, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, thường hay cự cãi, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân đã được hơn 07 năm, từ thời điểm ly thân bà P và ông T cũng không có gặp nhau để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nay bà P xác định quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Út T

Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Trúc P và ông Nguyễn Út T có 02 người con chung tên Nguyễn Như Ý, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Trí T1, sinh ngày 31/5/2014, hiện con đang sinh sống cùng với ông T. Khi ly hôn bà P đồng ý để các con cho ông T tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Bà Nguyễn Trúc P xác định không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Út T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo quy định nhưng ông T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho ông T và ông T cũng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà Nguyễn Trúc P được ly hôn với ông Nguyễn Út T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Trí T1, sinh ngày 31/5/2014 cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; bà P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Nguyễn Trúc P phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau.

[1.2.] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Trúc P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Út T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trúc P và ông Nguyễn Út T kết hôn vào năm 2013, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Do đó, căn cứ theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân ly hôn theo bà P xác định vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống nên cuộc sống không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nữa, các bên cũng không có biện pháp để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Hơn nữa, ông T đã được Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, cho thấy ông T cũng không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với bà P. Từ đó, thấy rằng đời sống hôn nhân giữa bà P và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng không thể kéo dài, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trúc P, cho bà P được ly hôn với ông Nguyễn Út T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P xác định từ sau khi ly thân thì các con do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay, bà P cũng không yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao Nguyễn Như Ý, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Trí T1, sinh ngày 31/5/2014 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Trúc P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Trúc P không yêu cầu về tài sản chung, đồng thời bà P xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Trúc P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cà Mau

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Trúc P được ly hôn với ông Nguyễn Út T

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Trí T1, sinh ngày 31/5/2014 cho ông Nguyễn Út T được nuôi dưỡng, chăm sóc, bà Nguyễn Trúc P không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Trúc P phải chịu 300.000 đồng. Bà P đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005588 ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cà Mau) được chuyển thu án phí.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 8 – Cà Mau;
- P.THADS khu vực 8 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Duy